TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: **49/2025**/HNGĐ-ST
Ngày **26** tháng **9** năm **2025**
V/v " Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khánh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Hồng Khánh
2. Bà Lê Thị Hoàng Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuỳ Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Thuý Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc: *" Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Hồng H, sinh năm: 2001; CCCD số 048301006139 do Cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 28/6/2021; Địa chỉ: Thôn Hòa Phát, xã Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trương Hữu B, sinh năm: 2000; CCCD số 048200006932 do Cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 10/8/2021; Địa chỉ: Thôn Phú Sơn 3, xã Hòa Tiến, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 24 tháng 6 năm 2025, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trịnh Thị Hồng H thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Hồng H và ông Trương Hữu B xây dựng gia đình năm 2021 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoà Khương, huyện Hoà Vang (cũ) nay là xã Hoà Tiến, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi xây dựng gia đình vợ chồng chung sống H phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng mọi quan điểm dẫn đến không tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải những không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2025 đến nay và không còn trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay bà Trịnh Thị Hồng H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Trương Hữu B.

- Về con chung: Bà Trịnh Thị Hồng H xác định bà và ông Trương Hữu B có 01 (một) người con chung là Trương Hữu T, sinh ngày 25/11/2020.

Ly hôn, bà Trịnh Thị Hồng H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu ông Trương Hữu B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị Hồng H xác định bà và ông Trương Hữu B không có tài sản chung, nợ chung.

***** Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Trương Hữu B, để biết việc bà Trịnh Thị Hồng H gửi đơn xin ly hôn, nguyện vọng được nuôi con chung đến Tòa án. Đồng thời, Toà án đã thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định về việc đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đối với ông Trương Hữu B, nhưng ông Trương Hữu B không có ý kiến phản hồi và vắng mặt tại các phiên hoà giải cũng như hai lần mở phiên toà.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng đã căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng đảm bảo theo các Điều 171, 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các đương sự:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;

+ Bị đơn, mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không

thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71,72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Việc bà Trịnh Thị Hồng H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Hữu B là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà Trịnh Thị Hồng H được ly hôn với ông Trương Hữu B.

+ Về con chung: Giao con chung Trương Hữu Th, sinh ngày 25/11/2020 cho bà Trịnh Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Trịnh Thị Hồng H không yêu cầu ông Trương Hữu B đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị Hồng H xác định không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng

[1] Bà Trịnh Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Trương Hữu B có địa chỉ cư trú tại Thôn Phú Sơn 3, xã Hòa Tiến, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điểu 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trương Hữu B tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Trương Hữu B vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Hữu B.

Về nội dung

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Hồng H và ông Trương Hữu B xây dựng gia đình năm 2021 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoà Khương, huyện Hoà Vang (cũ) nay là xã Hoà Tiến, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Trịnh Thị Hồng H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Trương Hữu B,

lý do là tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét yêu cầu của bà Trịnh Thị Hồng H thì thấy: H phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng yêu thương, chia sẻ, quan tâm nhau. Tuy nhiên theo bà H thì trong thời gian chung sống với nhau giữa bà và ông B không có được những điều đó thể hiện ở việc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, bản thân ông B sống không có trách nhiệm với gia đình. Từ đầu năm 2025 đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn trách nhiệm gì với nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự để tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện được do ông Trương Hữu B không hợp tác, điều này thể hiện ông Trương Hữu B không có thiện chí để hàn gắn H phúc gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Trịnh Thị Hồng H và ông Trương Hữu B là có thật và đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Thị Hồng H đối với ông Trương Hữu B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Trịnh Thị Hồng H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Trương Hữu Th, sinh ngày 25/11/2020, không yêu cầu ông Trương Hữu B đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Còn ông Trương Hữu B không có ý kiến gì đối với yêu cầu nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Trịnh Thị Hồng H.

- Xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo cuộc sống cũng như tương lai của con chung và điều kiện thực tế của mỗi bên. Hiện tại bà Trịnh Thị Hồng H có công việc ổn định và con chung đang được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung cho bà Trịnh Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, nên chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con chung của bà Trịnh Thị Hồng H.

Bà Trịnh Thị Hồng H không yêu cầu ông Trương Hữu B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị Hồng H xác định không có nên không đề cập đến.

[5] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Trịnh Thị Hồng H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung"* của bà Trịnh Thị Hồng H đối với ông Trương Hữu B

Căn cứ Điều: 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trịnh Thị Hồng H được ly hôn với ông Trương Hữu B.

2.Về quan hệ con chung: Giao con chung chưa thành niên là Trương Hữu Th, sinh ngày 25/11/2020 cho bà Trịnh Thị Hồng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị Hồng H xác định không có nên không đề cập đến.

4.Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Trịnh Thị Hồng H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà H đã nộp tại biên lai thu số 0000216 ngày 09/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Như vậy bà Trịnh Thị Hồng H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình;

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Người tham gia tố tụng;
- Viện KSND khu vực 4- Đà Nẵng;
- UBND xã Hoà Tiến (Giấy CNKH Số 11/2021 ngày 12/3/2021);
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hữu Khánh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**